

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Ngãi, ngày 16 tháng 12 năm 2022

BIÊN BẢN THƯƠNG THẢO THỎA THUẬN KHUNG

Số: 04/BBTT-MSTT

Gói thầu mua sắm tập trung bàn, ghế học sinh phục vụ hoạt động dạy và học của các trường trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi năm 2022 (đợt 2)

Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số Điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Quyết định số 577/QĐ-UBND ngày 09/7/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc mua sắm tài sản công theo phương thức tập trung trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Quyết định số 176/QĐ-BQLDDCN ngày 05/5/2022 của Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Quảng Ngãi về việc thành lập Tổ chuyên gia lập hồ sơ mời thầu và phân tích đánh giá hồ sơ dự thầu các gói thầu mua sắm tập trung trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 1213/QĐ-UBND ngày 28/6/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc bổ sung chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Quảng Ngãi kèm theo Quyết định số 2256/QĐ – UBND ngày 16/11/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 1277/QĐ-UBND ngày 21/9/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu mua sắm tập trung bàn, ghế học sinh phục vụ hoạt động dạy và học của các trường trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi năm 2022 (đợt 2);

Căn cứ Quyết định số 1431/QĐ-UBND ngày 18/10/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc điều chỉnh tên tài sản mua sắm của gói thầu gói thầu mua sắm tập trung bàn, ghế học sinh phục vụ hoạt động dạy và học của các trường trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi năm 2022 (đợt 2);

Quyết định số 457/QĐ-BQLDDCN ngày 21/10/2022 của Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt hồ sơ mời thầu (E-HSMT) đối với gói thầu Mua sắm tập trung bàn, ghế học sinh phục vụ hoạt động dạy và học của các trường trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi năm 2022 (đợt 2).



Căn cứ Báo cáo số 04/BC-TCG ngày 14/12/2022 của Tổ chuyên gia về việc Báo cáo đánh giá E-HSMT gói thầu mua sắm tập trung bàn, ghế học sinh phục vụ hoạt động dạy và học của các trường trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi năm 2022 (đợt 2).

Trên cơ sở E-HSMT; E-HSDT và Kết quả đối chiếu tài liệu dự thầu ngày 16/12/2022.

Hôm nay, ngày 16 tháng 12 năm 2022 tại Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh, chúng tôi gồm có:

I. Đơn vị mua sắm tập trung (Bên A):

Tên đơn vị: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Quảng Ngãi.

Đại diện bởi: Ông Võ Thành Trung Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ: 504 Quang Trung, TP Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi

Số điện thoại: 02553714357, Fax: 02553828760

Thành lập theo Quyết định số 429/QĐ-UBND ngày 01/9/2016 của UBND tỉnh Quảng Ngãi.

II. Nhà thầu cung cấp tài sản (Bên B):

- Tên đơn vị : Công ty TNHH Trang thiết bị Thái Dương.

- Đại diện ông : Nguyễn Anh Khoa - Chức vụ : Giám đốc .

- Địa chỉ: Số 78, Võ Công Tôn, phường Tân Quý, quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh.

- Điện thoại : 028 6685 3915-12-10.

- Tài khoản : 2239797979 tại Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh.

- Mã số thuế : 0312171586.

III. Địa điểm và thời gian tổ chức thương thảo:

- Địa điểm: Tại văn phòng Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Quảng Ngãi, số 504 Quang Trung, TP Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

- Thời gian: + Bắt đầu: 14 h 00 phút, ngày 16 tháng 12 năm 2022

+ Kết thúc: 15 h 00 phút, ngày 16 tháng 12 năm 2022

IV. Nội dung và kết quả thương thảo Thỏa thuận khung:

1. Những nội dung chưa đủ chi tiết, chưa rõ hoặc chưa phù hợp, chưa thống nhất giữa E-HSMT và E-HSDT: Không.

2. Các sai lệch do nhà thầu đã phát hiện và đề xuất trong E-HSDT: Không.

3. Các vấn đề phát sinh trong quá trình lựa chọn nhà thầu (nếu có) nhằm mục tiêu hoàn thiện các nội dung chi tiết của gói thầu: Không.

4. Các sai sót không nghiêm trọng: Không.

5. Các nội dung cần thiết khác.

5.1. Tổng giá trị thương thảo Thỏa thuận khung: **4.603.065.000 đồng**
(Bằng chữ: Bốn tỷ, sáu trăm lẻ ba triệu không trăm sáu mươi lăm ngàn đồng).

(Chi tiết theo phụ lục đính kèm)

Nhà thầu ký kết hợp đồng mua sắm tài sản với các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản theo quy định tại Khoản 1, Điều 78 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số Điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

5.2. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

- Nhà thầu cung cấp tài sản thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho đơn vị trực tiếp sử dụng mua sắm tài sản theo đúng quy định.

- Hình thức bảo lãnh thực hiện hợp đồng: Bằng thư bảo lãnh của ngân hàng và đến thời hạn khi toàn bộ hàng hóa được bàn giao, nghiệm thu đưa vào sử dụng và nhà thầu chuyển sang nghĩa vụ bảo hành theo quy định.

- Trong thời gian từ khi thỏa thuận khung có hiệu lực đến thời điểm ký kết hợp đồng mua sắm tài sản với đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản mà đơn vị trúng thầu vi phạm bất kỳ quy định nào thì Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Quảng Ngãi sẽ thu hồi tiền bảo lãnh dự thầu, khi đó đơn vị trúng thầu phải chịu trách nhiệm không được có bất kỳ kiến nghị nào.

5.3. Thời gian thực hiện hợp đồng: Không quá 90 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

5.4. Thời gian ký kết hợp đồng mua sắm tập trung: Không quá 10 ngày sau khi Thỏa thuận khung mua sắm tập trung có hiệu lực và có Thông báo của Đơn vị mua sắm tập trung.

5.5. Các cam kết của Nhà thầu trong quá trình thực hiện hợp đồng:

- Đối với hàng hóa trong nước: Khi giao hàng cung cấp đầy đủ giấy chứng nhận xuất xưởng, chất lượng hàng hóa và các giấy tờ khác có liên quan (nếu có);

- Cung cấp cho đơn vị mua sắm tập trung hồ sơ mua sắm gồm: Hợp đồng mua sắm, biên bản nghiệm thu, bàn giao và thanh quyết toán hợp đồng giữa Nhà thầu cung cấp tài sản và Bên mua sắm tài sản. Trong quá trình thực hiện hợp đồng nhà thầu cung cấp tài sản báo cáo tiến độ thực hiện định kỳ mỗi tháng 01 lần cho đơn vị mua sắm tập trung để thực hiện việc theo dõi, giám sát việc bàn giao, tiếp nhận tài sản theo quy định; chịu trách nhiệm làm việc cụ thể với đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản tình hình nghiệm thu, thanh toán, bố trí kinh phí ... theo quy định.

- Báo cáo kịp thời tiến độ, kết quả thực hiện hợp đồng mua sắm tài sản cho đơn vị mua sắm tập trung tại các thời điểm như sau: hoàn thành ký kết hợp đồng mua sắm tài sản; hoàn thành nghiệm thu tài sản trước khi lắp đặt; hoàn thành lắp đặt và vận hành, chạy thử; hoàn thành nghiệm thu đưa vào sử dụng để đơn vị mua sắm tập trung thực hiện việc theo dõi, giám sát theo quy định.

VI. Kết luận:

N
7
I QUẢN L
ÁN ĐẦU
IG CÁC CÓN
N DỤNG
ÔNG NGH
NH QUẢNG

Công ty TNHH Trang thiết bị Thái Dương cam kết thực hiện đúng theo các nội dung như kết quả thương thảo nêu trên, làm cơ sở cho việc thẩm định và phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định.

Biên bản thương thảo thỏa thuận khung này là một phần không thể tách rời của thỏa thuận khung ký kết giữa hai bên sau khi có Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu.

Biên bản thương thảo Thỏa thuận khung được lập thành 12 (mười hai) bản có giá trị pháp lý như nhau, Đơn vị tổ chức mua sắm tập trung giữ 02 (hai) bản, nhà thầu cung cấp tài sản giữ 02 (hai) bản, Sở Tài chính giữ 01 (một) bản, Đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản giữ 01 (một) bản./.

ĐẠI DIỆN BÊN A
GIÁM ĐỐC ✓



Võ Thành Trung

ĐẠI DIỆN BÊN B
GIÁM ĐỐC



Nguyễn Anh Khoa



PHỤ LỤC SỐ 01

(Kèm theo thương thảo thỏa thuận khung mua sắm tập trung số 04/BBTT-MSTT ngày 16/12/2022 giữa Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Quảng Ngãi và Công ty TNHH Trang thiết bị Thái Dương)

STT	Tên cơ quan, đơn vị/ Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
I	Huyện Sơn Tịnh				
1	Trường Tiểu học Tịnh Giang				64.815.000
	Bàn ghế học sinh - BG4	Bộ	15	2.507.000	37.605.000
	Bàn ghế học sinh - BG1	Bộ	10	1.360.000	13.600.000
	Bàn ghế học sinh - BG2	Bộ	10	1.361.000	13.610.000
2	Trường Tiểu học Tịnh Đông				61.401.000
	Bàn ghế học sinh - BG7	Bộ	23	1.487.000	34.201.000
	Bàn ghế học sinh - BG1	Bộ	20	1.360.000	27.200.000
3	Trường Tiểu học Tịnh Minh				75.238.000
	Bàn ghế học sinh - BG7	Bộ	14	1.487.000	20.818.000
	Bàn ghế học sinh - BG1	Bộ	20	1.360.000	27.200.000
	Bàn ghế học sinh - BG2	Bộ	20	1.361.000	27.220.000
4	Trường Tiểu học Tịnh Bắc				103.505.000
	Bàn ghế học sinh - BG4	Bộ	25	2.507.000	62.675.000
	Bàn ghế học sinh - BG2	Bộ	30	1.361.000	40.830.000
5	Trường Tiểu học Tịnh Hiệp				138.588.000
	Bàn ghế học sinh - BG4	Bộ	39	2.507.000	97.773.000
	Bàn ghế học sinh - BG1	Bộ	15	1.360.000	20.400.000
	Bàn ghế học sinh - BG2	Bộ	15	1.361.000	20.415.000
6	Trường Tiểu học Tịnh Trà				26.983.000
	Bàn ghế học sinh - BG13	Bộ	9	1.487.000	13.383.000
	Bàn ghế học sinh - BG1	Bộ	10	1.360.000	13.600.000
7	Trường Tiểu học Tịnh Hà				213.120.000
	Bàn ghế học sinh - BG13	Bộ	50	1.487.000	74.350.000
	Bàn ghế học sinh - BG1	Bộ	52	1.360.000	70.720.000
	Bàn ghế học sinh - BG2	Bộ	50	1.361.000	68.050.000
8	Trường Tiểu học Tịnh Thọ				118.188.000
	Bàn ghế học sinh - BG4	Bộ	39	2.507.000	97.773.000
	Bàn ghế học sinh - BG2	Bộ	15	1.361.000	20.415.000
9	Trường Tiểu học Tịnh Phong				107.745.000
	Bàn ghế học sinh - BG7	Bộ	30	1.487.000	44.610.000

DÂN
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÁC CÔNG TRÌNH DÂN DỤNG VÀ CÔNG NGHIỆP TỈNH QUẢNG NGÃI

STT	Tên cơ quan, đơn vị/ Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
	Bàn ghế học sinh - BG2	Bộ	30	1.361.000	40.830.000
	Bàn ghế học sinh - BG7	Bộ	15	1.487.000	22.305.000
10	Trường Tiểu học Tịnh Bình				85.425.000
	Bàn ghế học sinh - BG1	Bộ	15	1.360.000	20.400.000
	Bàn ghế học sinh - BG2	Bộ	15	1.361.000	20.415.000
	Bàn ghế học sinh - BG7	Bộ	30	1.487.000	44.610.000
11	Trường Tiểu học Tịnh Sơn				40.815.000
	Bàn ghế học sinh - BG1	Bộ	15	1.360.000	20.400.000
	Bàn ghế học sinh - BG2	Bộ	15	1.361.000	20.415.000
12	Trường THCS Tịnh Giang				35.688.000
	Bàn ghế học sinh - BG13	Bộ	10	1.487.000	14.870.000
	Bàn ghế học sinh - BG5	Bộ	14	1.487.000	20.818.000
13	Trường THCS Tịnh Đông				106.818.000
	Bàn ghế học sinh - BG10	Bộ	26	2.507.000	65.182.000
	Bàn ghế học sinh - BG5	Bộ	15	1.487.000	22.305.000
	Bàn ghế học sinh - BG11	Bộ	13	1.487.000	19.331.000
14	Trường THCS Phạm Kiệt				30.731.000
	Ghế học sinh	Cái	30	380.000	11.400.000
	Bàn ghế học sinh - BG5	Bộ	13	1.487.000	19.331.000
15	Trường THCS Tịnh Bắc				37.605.000
	Bàn ghế học sinh - BG10	Bộ	15	2.507.000	37.605.000
16	Trường THCS Tịnh Hiệp				123.421.000
	Bàn ghế học sinh - BG13	Bộ	30	1.487.000	44.610.000
	Bàn ghế học sinh - BG5	Bộ	23	1.487.000	34.201.000
	Bàn ghế học sinh - BG11	Bộ	20	1.487.000	29.740.000
	Bàn ghế học sinh - BG13	Bộ	10	1.487.000	14.870.000
17	Trường THCS Tịnh Trà				104.950.000
	Bàn ghế học sinh - BG10	Bộ	30	2.507.000	75.210.000
	Bàn ghế học sinh - BG5	Bộ	10	1.487.000	14.870.000
	Bàn ghế học sinh - BG11	Bộ	10	1.487.000	14.870.000
18	Trường THCS Tịnh Bình				105.294.000
	Bàn ghế học sinh - BG10	Bộ	16	2.507.000	40.112.000
	Bàn ghế học sinh - BG3	Bộ	26	2.507.000	65.182.000
19	Trường THCS Tịnh Sơn				132.183.000
	Bàn ghế học sinh - BG10	Bộ	29	2.507.000	72.703.000

STT	Tên cơ quan, đơn vị/ Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
	Bàn ghế học sinh - BG5	Bộ	20	1.487.000	29.740.000
	Bàn ghế học sinh - BG11	Bộ	20	1.487.000	29.740.000
20	Trường THCS Nguyễn Chánh				59.480.000
	Bàn ghế học sinh - BG13	Bộ	20	1.487.000	29.740.000
	Bàn ghế học sinh - BG5	Bộ	20	1.487.000	29.740.000
21	Trường THCS Tịnh Thọ				97.773.000
	Bàn ghế học sinh - BG10	Bộ	39	2.507.000	97.773.000
22	Trường THCS Tịnh Phong				205.267.000
	Bàn ghế học sinh - BG10	Bộ	54	2.507.000	135.378.000
	Bàn ghế học sinh - BG11	Bộ	37	1.487.000	55.019.000
	Bàn ghế học sinh - BG5	Bộ	10	1.487.000	14.870.000
II	Huyện Tư Nghĩa				
1	Phòng Giáo dục và đào tạo				209.667.000
	Bàn ghế học sinh - BG5	Bộ	81	1.487.000	120.447.000
	Bàn ghế học sinh - BG11	Bộ	60	1.487.000	89.220.000
III	Huyện Bình Sơn				
1	Trường THCS Bình Hải				125.300.000
	Bàn ghế học sinh - BG9	Bộ	50	2.506.000	125.300.000
IV	Huyện Ba Tơ				
1	Trường TH thị trấn Ba Tơ				29.740.000
	Bàn ghế học sinh - BG8	Bộ	20	1.487.000	29.740.000
V	Huyện Trà Bồng				
1	Phòng Giáo dục và Đào tạo				81.600.000
	Bàn ghế học sinh - BG1	Bộ	60	1.360.000	81.600.000
VI	Thị xã Đức Phổ				
1	Phòng Giáo dục và Đào tạo				1.869.159.000
	Bàn ghế học sinh - BG6	Bộ	620	1.487.000	921.940.000
	Bàn ghế học sinh - BG12	Bộ	637	1.487.000	947.219.000
2	Trường THCS Phổ Thạnh				29.740.000
	Bàn ghế học sinh - BG12	Bộ	20	1.487.000	29.740.000
3	Trường THCS Phổ Cường				29.740.000
	Bàn ghế học sinh - BG12	Bộ	20	1.487.000	29.740.000
4	Trường TH&THCS Phổ Châu				29.740.000
	Bàn ghế học sinh - BG6	Bộ	20	1.487.000	29.740.000
VII	Thành phố Quảng Ngãi				

STT	Tên cơ quan, đơn vị/ Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
1	Trường THCS Nguyễn Cát				74.350.000
	Bàn ghế học sinh - BG11	Bộ	50	1.487.000	74.350.000
2	Trường TH Tịnh Khê				48.996.000
	Bàn ghế học sinh - BG2	Bộ	36	1.361.000	48.996.000
	TỔNG CỘNG				4.603.065.000

Bằng chữ: Bốn tỷ, sáu trăm lẻ ba triệu, không trăm sáu mươi lăm nghìn đồng chẵn./.

ĐẠI DIỆN BÊN B

**CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ
THÁI DƯƠNG
GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Anh Khoa

ĐẠI DIỆN BÊN A

**BQL DA ĐTXD CÁC CÔNG TRÌNH
DD&CN TỈNH QUẢNG NGÃI
GIÁM ĐỐC**



Võ Thành Trung

PHỤ LỤC SỐ 02 – THÔNG SỐ KỸ THUẬT

(Kèm theo thương thảo thỏa thuận khung mua sắm tập trung số 04/BBTT-MSTT ngày 16/12/2022 giữa Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Quảng Ngãi và Công ty TNHH Trang thiết bị Thái Dương)

STT	Tên đơn vị / Tên tài sản	Thông số kỹ thuật	ĐVT	SL	Đơn giá (đồng/bộ)	Thành tiền (đồng)
1	Bàn ghế học sinh – BG1	<p>Bộ bàn ghế học sinh cỡ số III (Bàn ghế gỗ tự nhiên ghép thanh)</p> <p>1. Bàn học sinh</p> <ul style="list-style-type: none"> - KT Bàn: D1200 x S450 x C510 (mm) ± 0,5cm. D: chiều dài mặt bàn, S: chiều sâu mặt bàn, C chiều cao mặt bàn khi học. - KT Ngăn bàn: D960 x S300 x C120 (mm). - Mặt bàn hình chữ nhật. Có ngăn bàn và móc treo cặp. - Mặt bàn, ngăn bàn, chắn trước bằng gỗ tự nhiên ghép thanh dày tối thiểu 16mm, sơn phủ bóng, đã qua xử lý công nghiệp chống mối mọt, cong vênh. Các chi tiết gỗ được liên kết với khung bằng vít chuyên dùng. - Khung hồi bàn bằng thép hộp mạ kẽm 20x40 dày 1.4mm, 20x20 dày 1.4mm, liên kết với nhau bằng phương pháp hàn đảm bảo bền, đẹp, an toàn khi sử dụng. Giằng bàn làm bằng thép hộp mạ kẽm 20x20 dày 1.4mm. Khung sắt sơn bằng sơn tĩnh điện màu ghi đảm bảo bền đẹp, an toàn khi sử dụng và thích nghi với môi trường. - Chân bàn bịt nhựa chất lượng cao, gắn chắc vào khung. - Các bộ phận của khung bàn được thiết kế tháo lắp dễ dàng và liên kết với nhau bằng bu lông chuyên dùng. <p>2. Ghế học sinh</p> <ul style="list-style-type: none"> - KT ghế: R270 x S(290) x C300(mm) + 0,5cm. R: chiều rộng mặt ghế, S: chiều sâu cạnh trước mặt đến tựa ghế, S1: sâu mặt ghế, C: chiều cao mặt ghế. - Chân ghế có dạng chấu, xếp chồng lên nhau. - Mặt ghế, tựa ghế bằng gỗ tự nhiên ghép thanh dày tối thiểu 16mm, sơn phủ bóng, đã qua xử lý công nghiệp chống mối mọt, cong vênh, liên kết với khung bằng vít chuyên 	Bộ	217	1.360.000	295.120.000

DẪN
BAN Q
DỰ ÁN
Y DƯNG
DẪN
CƠ
TIN
10

STT	Tên đơn vị / Tên tài sản	Thông số kỹ thuật	ĐVT	SL	Đơn giá (đồng/bộ)	Thành tiền (đồng)
		<p>dùng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khung ghế bằng thép hộp mạ kẽm 20x20 dày 1.4mm, liên kết với nhau bằng phương pháp hàn đảm bảo bền, đẹp, an toàn khi sử dụng. Khung sắt sơn bằng sơn tĩnh điện màu ghi đảm bảo bền đẹp, an toàn khi sử dụng và thích nghi với môi trường. - Chân ghế bệt nhựa chất lượng cao, gắn chắc vào khung 				
2	Bàn ghế học sinh – BG2	<p>Bộ bàn ghế học sinh cỡ số IV (Bàn ghế gỗ tự nhiên ghép thanh)</p> <p>1. Bàn học sinh</p> <ul style="list-style-type: none"> - KT Bàn: D1200 x S500 x C570 (mm) ± 0,5cm. (D: chiều dài mặt bàn, S chiều sâu mặt bàn, C chiều cao mặt bàn khi học). - KT Ngăn bàn: D960 x S270 x C110 (mm). - Mặt bàn hình chữ nhật. Có ngăn bàn và móc treo cặp. - Mặt bàn, ngăn bàn, chắn trước bằng gỗ tự nhiên ghép thanh dày tối thiểu 16mm, sơn phủ bóng, đã qua xử lý công nghiệp chống mối mọt, cong vênh. Các chi tiết gỗ được liên kết với khung bằng vít chuyên dùng. - Khung hồi bàn bằng thép hộp mạ kẽm 20x40 dày 1.4mm, 20x20 dày 1.4mm, liên kết với nhau bằng phương pháp hàn đảm bảo bền, đẹp, an toàn khi sử dụng. Giường bàn làm bằng thép hộp mạ kẽm 20x20 dày 1.4mm. Khung sắt sơn bằng sơn tĩnh điện màu ghi đảm bảo bền đẹp, an toàn khi sử dụng và thích nghi với môi trường. - Chân bàn bệt nhựa chất lượng cao, gắn chắc vào khung. - Các bộ phận của khung bàn được thiết kế tháo lắp dễ dàng và liên kết với nhau bằng bu lông chuyên dùng. <p>2. Ghế học sinh</p> <ul style="list-style-type: none"> - KT ghế: R310 x S(330) x C340(mm) ± 0,5cm R: chiều rộng mặt ghế, S: chiều sâu cạnh trước mặt đến tựa ghế, S1 sâu mặt ghế, C: chiều cao mặt ghế. - Chân ghế có dạng choãi, xếp chồng lên nhau. 	Bộ	236	1.361.000	321.196.000

STT	Tên đơn vị / Tên tài sản	Thông số kỹ thuật	ĐVT	SL	Đơn giá (đồng/bộ)	Thành tiền (đồng)
		<ul style="list-style-type: none"> - Mặt ghế, tựa ghế bằng gỗ tự nhiên ghép thanh dày tối thiểu 16mm, sơn phủ bóng, đã qua xử lý công nghiệp chống mối mọt, cong vênh, liên kết với khung bằng vít chuyên dùng. - Khung ghế bằng thép hộp mạ kẽm 20x20 dày 1.4mm, liên kết với nhau bằng phương pháp hàn đảm bảo bền, đẹp, an toàn khi sử dụng. Khung sắt sơn bằng sơn tĩnh điện màu ghi đảm bảo bền đẹp, an toàn khi sử dụng và thích nghi với môi trường. - Chân ghế bọc nhựa chất lượng cao, gắn chắc vào khung. 				
3	Bàn ghế học sinh – BG3	<p>Bộ bàn ghế học sinh cỡ số V (gia công hoàn toàn bằng gỗ tự nhiên nhóm III (gỗ thao lao)).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mỗi bộ gồm: 01 bàn 02 chỗ ngồi + 02 ghế ngồi rời, có tựa lưng (Quy cách theo Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BGDĐT-BKHHCN-BYT) - Chất liệu: Bàn ghế gia công hoàn toàn bằng gỗ tự nhiên nhóm III (gỗ thao lao), ván mặt bàn, ngăn bàn, mặt ghế dày tối thiểu 20mm, được xử lý chống mối mọt, cong vênh, độc hại, sơn phủ PU 3 lớp chống trầy xước. Thành phần sơn đảm bảo tiêu chuẩn an toàn cho người sử dụng và môi trường. - Bàn: Loại 2 chỗ ngồi rời, có ngăn học kín cho học sinh để đồ dùng học tập. Mặt bàn không ghép nối. Kích thước bàn: (R1,20m x S0,5m x C0,63m) ± 0,5cm; (D: chiều dài mặt bàn, S chiều sâu mặt bàn, C chiều cao mặt bàn khi học). + Chân bàn vuông 5 x 5 (cm) + Kích thước ngăn bàn: D960 x S350 x C140 (mm). Bàn được chia làm 2 ngăn. Ván ngăn giữa học bàn dày 2cm. - Ghế: loại ngồi rời, có lưng tựa, ván mặt ghế không ghép nối. Kích thước ghế: (R0,34m x S0,36m x C0,37m) ± 0,5cm; (R: chiều rộng mặt ghế, C: chiều cao mặt ghế). + Chân ghế: Hai chân trước 4 x 4 (cm). Hai chân sau: 3,5 x 5 (cm) 	Bộ	26	2.507.000	65.182.000

STT	Tên đơn vị / Tên tài sản	Thông số kỹ thuật	ĐVT	SL	Đơn giá (đồng/bộ)	Thành tiền (đồng)
4	Bàn ghế học sinh – BG4	<p>Bộ bàn ghế học sinh cỡ số V (gia công hoàn toàn bằng gỗ tự nhiên nhóm III (gỗ thao lao)).</p> <p>- Mỗi bộ gồm: 01 bàn 02 chỗ ngồi + 02 ghế ngồi rời, có tựa lưng (Quy cách theo Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BGDĐT-BKHCN-BYT)</p> <p>- Chất liệu: Bàn ghế gia công hoàn toàn bằng gỗ tự nhiên nhóm III (gỗ thao lao), ván mặt bàn, ngăn bàn, mặt ghế dày tối thiểu 20mm, được xử lý chống mối mọt, cong vênh, độc hại, sơn phủ PU 3 lớp chống trầy xước. Thành phần sơn đảm bảo tiêu chuẩn an toàn cho người sử dụng và môi trường.</p> <p>- Bàn: Loại 2 chỗ ngồi rời, có ngăn học kín cho học sinh để đồ dùng học tập. Mặt bàn không ghép nối. Kích thước bàn: (R1,20m x S0,5m x C0,63m) ± 0,5cm; (D: chiều dài mặt bàn, S chiều sâu mặt bàn, C chiều cao mặt bàn khi học).</p> <p>+ Chân bàn vuông 5 x 5 (cm)</p> <p>+ Kích thước ngăn bàn: D960 x S350 x C140 (mm). Bàn được chia làm 2 ngăn. Ván ngăn giữa học bàn dày tối thiểu 2cm.</p> <p>- Ghế: loại ngồi rời, có lưng tựa, ván mặt ghế không ghép nối. Kích thước ghế: (R0,34m x S0,36m x C0,37m) ± 0,5cm; (R: chiều rộng mặt ghế, S: chiều sâu cạnh trước mặt đến tựa ghế, C: chiều cao mặt ghế).</p> <p>+ Chân ghế: Hai chân trước 4 x 4 (cm). Hai chân sau: 3,5 x 5 (cm)</p>	Bộ	118	2.507.000	295.826.000
5	Bàn ghế học sinh – BG5	<p>Bộ bàn ghế học sinh cỡ số V (Bàn ghế gỗ tự nhiên ghép thanh)</p> <p>1. Bàn học sinh</p> <p>- KT Bàn: D1200 x S500 x C630 (mm) ± 0,5cm. (D: chiều dài mặt bàn, S chiều sâu mặt bàn, C chiều cao mặt bàn khi học).</p> <p>- KT Ngăn bàn: D960 x S350 x C140 (mm).</p> <p>- Mặt bàn hình chữ nhật. Có ngăn bàn và móc treo cặp.</p> <p>- Mặt bàn, ngăn bàn, chắn trước bằng gỗ tự nhiên ghép thanh dày tối thiểu 16mm, sơn phủ bóng, đã qua xử lý công nghiệp chống</p>	Bộ	206	1.487.000	306.322.000

STT	Tên đơn vị / Tên tài sản	Thông số kỹ thuật	ĐVT	SL	Đơn giá (đồng/bộ)	Thành tiền (đồng)
		<p>mỗi mặt, cong vênh. Các chi tiết gỗ được liên kết với khung bằng vít chuyên dùng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khung hồi bàn bằng thép hộp mạ kẽm 25x50 dày 1.4mm, 25x25 dày 1.4mm, liên kết với nhau bằng phương pháp hàn đảm bảo bền, đẹp, an toàn khi sử dụng. Giường bàn làm bằng thép hộp mạ kẽm 25x25 dày 1.4mm. Khung sắt sơn bằng sơn tĩnh điện màu ghi đảm bảo bền đẹp, an toàn khi sử dụng và thích nghi với môi trường. - Chân bàn bịt nhựa chất lượng cao, gắn chắc vào khung. - Các bộ phận của khung bàn được thiết kế tháo lắp dễ dàng và liên kết với nhau bằng bu lông chuyên dùng. <p>2. Ghế học sinh</p> <ul style="list-style-type: none"> - KT ghế: R340 x S(360) x C370(mm) ± 0,5cm (R: chiều rộng mặt ghế, S: chiều sâu cạnh trước mặt đến tựa ghế, S1 sâu mặt ghế, C: chiều cao mặt ghế). - Chân ghế có dạng choãi, xếp chồng lên nhau. - Mặt ghế, tựa ghế bằng gỗ tự nhiên ghép thanh dày tối thiểu 16mm, sơn phủ bóng, đã qua xử lý công nghiệp chống mối mọt, cong vênh, liên kết với khung bằng vít chuyên dùng. - Khung ghế bằng thép hộp mạ kẽm 20x20 dày 1.4mm, liên kết với nhau bằng phương pháp hàn đảm bảo bền, đẹp, an toàn khi sử dụng. Khung sắt sơn bằng sơn tĩnh điện màu ghi đảm bảo bền đẹp, an toàn khi sử dụng và thích nghi với môi trường. - Chân ghế bịt nhựa chất lượng cao, gắn chắc vào khung. 				
6	Bàn ghế học sinh – BG6	<p>Bộ bàn ghế học sinh cỡ số V (Bàn ghế gỗ tự nhiên ghép thanh)</p> <p>1. Bàn học sinh</p> <ul style="list-style-type: none"> - KT Bàn: D1200 x S500 x C630 (mm) ± 0,5cm. (D: chiều dài mặt bàn, S chiều sâu mặt bàn, C chiều cao mặt bàn khi học). - KT Ngăn bàn: D960 x S350 x C140 (mm). - Mặt bàn hình chữ nhật. Có ngăn bàn và móc treo cặp. 	Bộ	640	1.487.000	951.680.000

STT	Tên đơn vị / Tên tài sản	Thông số kỹ thuật	ĐVT	SL	Đơn giá (đồng/bộ)	Thành tiền (đồng)
		<ul style="list-style-type: none"> - Mặt bàn, ngăn bàn, chắn trước bằng gỗ tự nhiên ghép thanh dày tối thiểu 18mm, Sơn phủ PU, đã qua xử lý công nghiệp chống mối mọt, cong vênh. Các chi tiết gỗ được liên kết với khung bằng vít chuyên dùng. - Khung hồi bàn bằng thép hộp mạ kẽm 25x50 dày 1.4mm, 25x25 dày 1.4mm, liên kết với nhau bằng phương pháp hàn đảm bảo bền, đẹp, an toàn khi sử dụng. Giường bàn làm bằng thép hộp mạ kẽm 25x25 dày 1.4mm. Khung sắt sơn bằng sơn tĩnh điện màu ghi đảm bảo bền đẹp, an toàn khi sử dụng và thích nghi với môi trường. - Chân bàn bịt nhựa chất lượng cao, gắn chắc vào khung. - Các bộ phận của khung bàn được thiết kế tháo lắp dễ dàng và liên kết với nhau bằng bu lông chuyên dùng. <p>2. Ghế học sinh</p> <ul style="list-style-type: none"> - KT ghế: R340 x S(360) x C370(mm) ± 0,5cm (R: chiều rộng mặt ghế, S: chiều sâu cạnh trước mặt đến tựa ghế, C: chiều cao mặt ghế). - Chân ghế có dạng choãi, xếp chống lên nhau. - Mặt ghế, tựa ghế bằng gỗ tự nhiên ghép thanh dày tối thiểu 18mm, Sơn phủ PU, đã qua xử lý công nghiệp chống mối mọt, cong vênh, liên kết với khung bằng vít chuyên dùng. - Khung ghế bằng thép hộp mạ kẽm 20x20 dày 1.4mm, liên kết với nhau bằng phương pháp hàn đảm bảo bền, đẹp, an toàn khi sử dụng. Khung sắt sơn bằng sơn tĩnh điện màu ghi đảm bảo bền đẹp, an toàn khi sử dụng và thích nghi với môi trường. - Chân ghế bịt nhựa chất lượng cao, gắn chắc vào khung. 				
7	Bàn ghế học sinh – BG7	<p>Bộ bàn ghế học sinh cỡ số V (Bàn ghế gỗ tự nhiên ghép thanh)</p> <p>1. Bàn học sinh</p> <ul style="list-style-type: none"> - KT Bàn: D1200 x S500 x C630 (mm) ± 0,5cm. (D: chiều dài mặt bàn, S chiều sâu mặt bàn, C chiều cao mặt bàn khi học). 	Bộ	112	1.487.000	166.544.000

STT	Tên đơn vị / Tên tài sản	Thông số kỹ thuật	ĐVT	SL	Đơn giá (đồng/bộ)	Thành tiền (đồng)
		<ul style="list-style-type: none"> - KT Ngăn bàn: D960 x S350 x C140 (mm). - Mặt bàn hình chữ nhật. Có ngăn bàn và móc treo cặp. - Mặt bàn, ngăn bàn, chắn trước bằng gỗ tự nhiên ghép thanh dày tối thiểu 20mm, sơn phủ PU, đã qua xử lý công nghiệp chống mối mọt, cong vênh. Các chi tiết gỗ được liên kết với khung bằng vít chuyên dùng. - Khung hộc bàn bằng thép hộp mạ kẽm 25x50 dày 1.4mm, 25x25 dày 1.4mm, liên kết với nhau bằng phương pháp hàn đảm bảo bền, đẹp, an toàn khi sử dụng. Giường bàn làm bằng thép hộp mạ kẽm 25x25 dày 1.4mm. Khung sắt sơn bằng sơn tĩnh điện màu ghi đảm bảo bền đẹp, an toàn khi sử dụng và thích nghi với môi trường. - Chân bàn bịt nhựa chất lượng cao, gắn chắc vào khung. - Các bộ phận của khung bàn được thiết kế tháo lắp dễ dàng và liên kết với nhau bằng bu lông chuyên dùng. <p>2. Ghế học sinh</p> <ul style="list-style-type: none"> - KT ghế: R340 x S(360) x C370(mm) ± 0,5cm (R: chiều rộng mặt ghế, S: chiều sâu cạnh trước mặt đến tựa ghế, S1 sâu mặt ghế, C: chiều cao mặt ghế). - Chân ghế có dạng choãi, xếp chồng lên nhau. - Mặt ghế, tựa ghế bằng gỗ tự nhiên ghép thanh dày tối thiểu 20mm, sơn phủ bóng, đã qua xử lý công nghiệp chống mối mọt, cong vênh, liên kết với khung bằng vít chuyên dùng. - Khung ghế bằng thép hộp mạ kẽm 20x20 dày 1.4mm, liên kết với nhau bằng phương pháp hàn đảm bảo bền, đẹp, an toàn khi sử dụng. Khung sắt sơn bằng sơn tĩnh điện màu ghi đảm bảo bền đẹp, an toàn khi sử dụng và thích nghi với môi trường. - Chân ghế bịt nhựa chất lượng cao, gắn chắc vào khung. 				
8	Bàn ghế học sinh – BG8	<p>Bộ bàn ghế học sinh cỡ số V (gỗ ghép công nghiệp).</p> <p>1. Bàn học sinh</p>	Bộ	20	1.487.000	29.740.000

STT	Tên đơn vị / Tên tài sản	Thông số kỹ thuật	ĐVT	SL	Đơn giá (đồng/bộ)	Thành tiền (đồng)
		<ul style="list-style-type: none"> - KT Bàn: R1200 x S500 x C630 (mm) ± 0,5cm (R: chiều rộng mặt bàn, S chiều sâu mặt bàn, C chiều cao mặt bàn khi học). - KT Ngăn bàn: D960 x S350 x C140 (mm). - Mặt bàn hình chữ nhật. Có ngăn bàn và móc treo cặp. - Mặt bàn, ngăn bàn, chắn trước bằng gỗ công nghiệp MFC dày 20mm, chi tiết gỗ khác (các vách ngăn học bàn,...) gỗ công nghiệp MFC dày 15mm, đã qua xử lý công nghiệp chống mối mọt, cong vênh. Các chi tiết gỗ được liên kết với khung bằng vít chuyên dùng. - Khung, giằng làm bằng thép hộp mạ kẽm 25x25 dày 1.4mm, liên kết với nhau bằng phương pháp hàn đảm bảo bền, đẹp, an toàn khi sử dụng. Khung sắt sơn bằng sơn tĩnh điện màu ghi đảm bảo bền đẹp, an toàn khi sử dụng và thích nghi với môi trường. - Chân bàn bịt nhựa chất lượng cao, gắn chắc vào khung. - Các bộ phận của khung bàn được thiết kế tháo lắp dễ dàng và liên kết với nhau bằng bu lông chuyên dùng. <p>2. Ghế học sinh</p> <ul style="list-style-type: none"> - KT ghế: R360 x S(400) x C410(mm) ± 0,5cm (R: chiều rộng mặt ghế, S: chiều sâu cạnh trước mặt đến tựa ghế, C: chiều cao mặt ghế). - Chân ghế có dạng choãi, xếp chồng lên nhau. - Mặt ghế, tựa ghế bằng gỗ công nghiệp MFC dày 20m, đã qua xử lý công nghiệp chống mối mọt, cong vênh, liên kết với khung bằng vít chuyên dùng. - Khung ghế bằng thép hộp mạ kẽm 20x20 dày 1.4mm, liên kết với nhau bằng phương pháp hàn đảm bảo bền, đẹp, an toàn khi sử dụng. Khung sắt sơn bằng sơn tĩnh điện màu ghi đảm bảo bền đẹp, an toàn khi sử dụng và thích nghi với môi trường. - Chân ghế bịt nhựa chất lượng cao, gắn chắc vào khung. 				
9	Bàn ghế	Bộ bàn ghế học sinh cỡ số VI (gia công	Bộ	50	2.506.000	125.300.000

STT	Tên đơn vị / Tên tài sản	Thông số kỹ thuật	ĐVT	SL	Đơn giá (đồng/bộ)	Thành tiền (đồng)
	học sinh – BG9	<p>hoàn toàn bằng gỗ tự nhiên nhóm III).</p> <p>- Mỗi bộ gồm: 01 bàn 02 chỗ ngồi + 02 ghế ngồi rời, có tựa lưng (Quy cách theo Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BGDĐT-BKHCN-BYT)</p> <p>- Chất liệu: Bàn ghế gia công hoàn toàn bằng gỗ tự nhiên nhóm III (gỗ thao lao), ván mặt bàn, ngăn bàn, mặt ghế dày tối thiểu 20mm, được xử lý chống mối mọt, cong vênh, độc hại, sơn phủ PU 3 lớp chống trầy xước. Thành phần sơn đảm bảo tiêu chuẩn an toàn cho người sử dụng và môi trường.</p> <p>- Bàn: Loại 2 chỗ ngồi rời, có ngăn hộc kín cho học sinh để đồ dùng học tập. Mặt bàn không ghép nối. Kích thước bàn: (R1,20m xS0,5m xC0,69m) ± 0,5cm; (D: chiều dài mặt bàn, S chiều sâu mặt bàn, C chiều cao mặt bàn khi học).</p> <p>+ Chân bàn vuông 5 x 5 (cm)</p> <p>+ Kích thước ngăn bàn: D960 x S350 x C140 (mm). Bàn được chia làm 2 ngăn. Ván ngăn giữa hộc bàn dày 2cm.</p> <p>- Ghế: loại ngồi rời, có lưng tựa, ván mặt ghế không ghép nối. Kích thước ghế: (R0,36m xS0,40m xC0,41m) ± 0,5cm; (R: chiều rộng mặt ghế, S: chiều sâu cạnh trước mặt đến tựa ghế, C: chiều cao mặt ghế).</p> <p>+ Chân ghế: Hai chân trước 4 x 4 (cm). Hai chân sau: 3,5 x 5 (cm)</p>				
10	Bàn ghế học sinh – BG10	<p>Bộ bàn ghế học sinh cỡ số VI (gia công hoàn toàn bằng gỗ tự nhiên nhóm III).</p> <p>- Mỗi bộ gồm: 01 bàn 02 chỗ ngồi + 02 ghế ngồi rời, có tựa lưng (Quy cách theo Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BGDĐT-BKHCN-BYT)</p> <p>- Chất liệu: Bàn ghế gia công hoàn toàn bằng gỗ tự nhiên nhóm III (gỗ Thao lao), ván mặt bàn, ngăn bàn, mặt ghế dày 20mm, được xử lý chống mối mọt, cong vênh, độc hại, sơn phủ PU 3 lớp chống trầy xước. Thành phần sơn đảm bảo tiêu chuẩn an toàn cho người sử dụng và môi trường.</p> <p>- Bàn: Loại 2 chỗ ngồi rời, có ngăn hộc kín</p>	Bộ	209	2.507.000	523.963.000

STT	Tên đơn vị / Tên tài sản	Thông số kỹ thuật	ĐVT	SL	Đơn giá (đồng/bộ)	Thành tiền (đồng)
		<p>cho học sinh để đồ dùng học tập. Mặt bàn không ghép nối. Kích thước bàn: R1,20m xS0,5m xC0,69m) ± 0,5cm; (D: chiều dài mặt bàn, S chiều sâu mặt bàn, C chiều cao mặt bàn khi học).</p> <p>+ Chân bàn vuông 5 x 5 (cm)</p> <p>+ Kích thước ngăn bàn: D960 x S350 x C140 (mm). Bàn được chia làm 2 ngăn. Ván ngăn giữa học bàn dày 2cm.</p> <p>- Ghế: loại ngồi rời, có lưng tựa, ván mặt ghế không ghép nối. Kích thước ghế: (R0,36m xS0,40m xC0,41m) ± 0,5cm; (R: chiều rộng mặt ghế, S: chiều sâu cạnh trước mặt đến tựa ghế, C: chiều cao mặt ghế).</p> <p>+ Chân ghế: Hai chân trước 4 x 4 (cm). Hai chân sau: 3,5 x 5 (cm)</p>				
11	Bàn ghế học sinh – BG11	<p>Bộ bàn ghế học sinh cỡ số VI (Bàn ghế gỗ tự nhiên ghép thanh)</p> <p>1. Bàn học sinh</p> <p>- KT Bàn: R1200 x S500 x C690 (mm) ± 0,5cm (R: chiều rộng mặt bàn, S chiều sâu mặt bàn, C chiều cao mặt bàn khi học).</p> <p>- KT Ngăn bàn: D960 x S350 x C140 (mm).</p> <p>- Mặt bàn hình chữ nhật. Có ngăn bàn và móc treo cặp.</p> <p>- Mặt bàn, ngăn bàn, chắn trước bằng gỗ tự nhiên ghép thanh dày tối thiểu 16mm, sơn phủ bóng, đã qua xử lý công nghiệp chống mối mọt, cong vênh. Các chi tiết gỗ được liên kết với khung bằng vít chuyên dùng.</p> <p>- Khung hồi bàn bằng thép hộp mạ kẽm 25x50 dày 1.4mm, 25x25 dày 1.4mm, liên kết với nhau bằng phương pháp hàn đảm bảo bền, đẹp, an toàn khi sử dụng. Giằng bàn làm bằng thép hộp mạ kẽm 25x25 dày 1.4mm. Khung sắt sơn bằng sơn tĩnh điện màu ghi đảm bảo bền đẹp, an toàn khi sử dụng và thích nghi với môi trường.</p> <p>- Chân bàn bịt nhựa chất lượng cao, gắn chắc vào khung.</p> <p>- Các bộ phận của khung bàn được thiết kế tháo lắp dễ dàng và liên kết với nhau bằng bu lông chuyên dùng.</p> <p>2. Ghế học sinh</p>	Bộ	210	1.487.000	312.270.000

STT	Tên đơn vị / Tên tài sản	Thông số kỹ thuật	ĐVT	SL	Đơn giá (đồng/bộ)	Thành tiền (đồng)
		<ul style="list-style-type: none"> - KT ghế: R360 x S(400) x C410(mm) ± 0,5cm (R: chiều rộng mặt ghế, S: chiều sâu cạnh trước mặt đến tựa ghế, S1 sâu mặt ghế, C: chiều cao mặt ghế). - Chân ghế có dạng choãi, xếp chồng lên nhau. - Mặt ghế, tựa ghế bằng gỗ tự nhiên ghép thanh dày tối thiểu 16mm, sơn phủ bóng, đã qua xử lý công nghiệp chống mối mọt, cong vênh, liên kết với khung bằng vít chuyên dùng. - Khung ghế bằng thép hộp mạ kẽm 20x20 dày 1.4mm, liên kết với nhau bằng phương pháp hàn đảm bảo bền, đẹp, an toàn khi sử dụng. Khung sắt sơn bằng sơn tĩnh điện màu ghi đảm bảo bền đẹp, an toàn khi sử dụng và thích nghi với môi trường. - Chân ghế bệt nhựa chất lượng cao, gắn chắc vào khung. 				
12	Bàn ghế học sinh – BG12	<p>Bộ bàn ghế học sinh cỡ số VI (Bàn ghế gỗ tự nhiên ghép thanh)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mỗi bộ gồm 01 bàn 02 chỗ ngồi + 02 ghế ngồi rời, có tựa lưng (Quy cách theo Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BGDĐT-BKHCN-BYT). - Chất liệu: Khung bàn, ghế bằng sắt hộp. Ván bàn, ghế bằng gỗ tự nhiên ghép thanh dày tối thiểu 18mm, đã được qua xử lý hóa chất chống mối mọt, cong vênh, độc hại, sơn phủ PU 3 lớp chống trầy xước. Thành phần sơn đảm bảo tiêu chuẩn an toàn cho người sử dụng và môi trường. Chân bàn, ghế được gắn 04 đế nhựa loại tốt tiếp xúc với sàn nhà. - Bàn có ngăn học kín cho học sinh để đồ dùng học tập. Kích thước bàn: (R1,20m x S0,5m x C0,69m) ± 0,5cm. Khung bàn bằng sắt hộp 25*25 (mm), dày 1,4mm, sơn tĩnh điện màu ghi sáng. - Ghế: Khung bằng ống sắt hộp 20*20 (mm) dày 1,4mm, sơn tĩnh điện màu ghi sáng. Kích thước ghế: (R0,36m x S0,40m x C0,41m) ± 0,5cm; 	Bộ	677	1.487.000	1.006.699.000
13	Bàn ghế	Bộ bàn ghế học sinh cỡ số VI (Bàn ghế gỗ	Bộ	129	1.487.000	191.823.000

STT	Tên đơn vị / Tên tài sản	Thông số kỹ thuật	ĐVT	SL	Đơn giá (đồng/bộ)	Thành tiền (đồng)
	học sinh – BG13	<p>tự nhiên ghép thanh)</p> <p>1. Bàn học sinh</p> <ul style="list-style-type: none"> - KT Bàn: R1200 x S500 x C690 (mm) ± 0,5cm (R: chiều rộng mặt bàn, S chiều sâu mặt bàn, C chiều cao mặt bàn khi học). - KT Ngăn bàn: D960 x S350 x C140 (mm). - Mặt bàn hình chữ nhật. Có ngăn bàn và móc treo cặp. - Mặt bàn, ngăn bàn, chắn trước bằng gỗ tự nhiên ghép thanh dày tối thiểu 20mm, sơn phủ bóng, đã qua xử lý công nghiệp chống mối mọt, cong vênh. Các chi tiết gỗ được liên kết với khung bằng vít chuyên dùng. - Khung hời bàn bằng thép hộp mạ kẽm 25x50 dày 1.4mm, 25x25 dày 1.4mm, liên kết với nhau bằng phương pháp hàn đảm bảo bền, đẹp, an toàn khi sử dụng. Giường bàn làm bằng thép hộp mạ kẽm 25x25 dày 1.4mm. Khung sắt sơn bằng sơn tĩnh điện màu ghi đảm bảo bền đẹp, an toàn khi sử dụng và thích nghi với môi trường. - Chân bàn bịt nhựa chất lượng cao, gắn chắc vào khung. - Các bộ phận của khung bàn được thiết kế tháo lắp dễ dàng và liên kết với nhau bằng bu lông chuyên dùng. <p>2. Ghế học sinh</p> <ul style="list-style-type: none"> - KT ghế: R360 x S(400) x C410(mm) ± 0,5cm (R: chiều rộng mặt ghế, S: chiều sâu cạnh trước mặt đến tựa ghế, S1 sâu mặt ghế, C: chiều cao mặt ghế). - Chân ghế có dạng choãi, xếp chồng lên nhau. - Mặt ghế, tựa ghế bằng gỗ tự nhiên ghép thanh dày tối thiểu 20mm, sơn phủ bóng, đã qua xử lý công nghiệp chống mối mọt, cong vênh, liên kết với khung bằng vít chuyên dùng. - Khung ghế bằng thép hộp mạ kẽm 20x20 dày 1.4mm, liên kết với nhau bằng phương pháp hàn đảm bảo bền, đẹp, an toàn khi sử dụng. Khung sắt sơn bằng sơn tĩnh điện màu ghi đảm bảo bền đẹp, an toàn khi sử dụng và thích nghi với môi trường. 				

STT	Tên đơn vị / Tên tài sản	Thông số kỹ thuật	ĐVT	SL	Đơn giá (đồng/bộ)	Thành tiền (đồng)
		- Chân ghế bệt nhựa chất lượng cao, gắn chắc vào khung.				
14	Ghế học sinh	- Chất liệu: Ghế gia công hoàn toàn bằng gỗ tự nhiên nhóm III (gỗ Thao lao), mặt ghế dày 20mm, được xử lý chống mối mọt, cong vênh, độc hại, sơn phủ PU 3 lớp chống trầy xước. Thành phần sơn đảm bảo tiêu chuẩn an toàn cho người sử dụng và môi trường. - Ghế: loại ngồi rời, có lưng tựa, ván mặt ghế không ghép nối. Kích thước ghế: (R0,36m xS0,40m xC0,41m) ± 0,5cm; (R: chiều rộng mặt ghế, S: chiều sâu cạnh trước mặt đến tựa ghế, C: chiều cao mặt ghế). + Chân ghế: Hai chân trước 4 x 4 (cm). Hai chân sau: 3,5 x 5 (cm)	Cái	30	380.000	11.400.000
TỔNG CỘNG						4.603.065.000

Bảng chữ: Bốn tỷ, sáu trăm lẻ ba triệu, không trăm sáu mươi lăm nghìn đồng chẵn./.

**ĐẠI DIỆN BÊN B
CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ
THÁI DƯƠNG**



Nguyễn Anh Khoa

**ĐẠI DIỆN BÊN A
BQL DA ĐTXD CÁC CÔNG TRÌNH
DD&CN TỈNH QUẢNG NGÃI
GIÁM ĐỐC**



Võ Thành Trung